TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ TRẢNG BÀNG** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 98/2023/HNGĐ-ST
Ngày 26-9-2023
V/v "Ly hôn, tranh chấp nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TRẢNG BÀNG, TỈNH TÂY NINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị An.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Vương Văn Mum
2. Bà Lê Thị Diễm

- **Thư ký phiên tòa**: Ông Trần Thế Sự - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng tham gia phiên tòa**: Ông Nguyễn Văn Thướng - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 72/2023/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 4 năm 2023 về "Ly hôn, tranh chấp nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 105/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 9 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên toà số 46/2023/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 9 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: anh Nguyễn Bá P, sinh năm 1995; địa chỉ: ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long, (*có đơn xin vắng mặt)*.

- *Bị đơn*: chị Trần Thị Thu T, sinh năm 1989; địa chỉ: khu phố L, phường L, thị xã T, tỉnh Tây Ninh, (*vắng mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 14-12-2022 và trong quá trình làm việc nguyên đơn anh Nguyễn Bá P trình bày:

- Về hôn nhân: anh và chị Trần Thị Thu T tự nguyện tổ chức lễ cưới vào năm 2014, có tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại xã L, huyện T (nay là phường L, thị xã T), tỉnh Tây Ninh. Cưới xong vợ chồng sống chung nhà cha mẹ vợ tại L, L, T. Vợ chồng sống đến tháng 7 năm 2022 xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng sống không phù hợp, bất đồng quan điểm, do vợ không lo làm ăn, mà thường xuyên cờ bạc, làm nợ nần, không lo lắng chăm sóc cho gia đình, anh khuyên nhưng vợ không nghe, vợ còn ghen tuông vô cớ với anh nên hay cãi vã nhau, cuộc sống

không hạnh phúc nên anh bỏ đi về cha mẹ ruột tại T, Vĩnh Long sinh sống, vợ chồng sống ly thân từ tháng 7 năm 2022 đến nay. Do cuộc sống không hạnh phúc, vợ chồng cũng không còn tình cảm với nhau, nên anh xin ly hôn với chị T.

- Về con chung: có 02 cháu là Nguyễn Ngọc Tường V, sinh ngày 12-11-2014 và Nguyễn Xuân P2 sinh ngày 22-3-2021, hiện hai con đang sống với chị T. Anh đồng ý giao 02 con cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng, anh cấp dưỡng nuôi các con mỗi cháu 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi các con trưởng thành.

- Về tài sản chung: không có, không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: không có, không yêu cầu giải quyết.

Ngoài ra không yêu cầu gì khác. Ngày 23-8-2023 anh P có đơn xin vắng mặt, do bận công việc.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 20-8-2023 bị đơn chị Trần Thị Thu T trình bày: chị và anh P tự chuyện tổ chức lễ cưới với nhau vào năm 2012, có đăng ký kết hôn tại xã L, T. Cưới xong vợ chồng sống chung gia đình chị, tháng 3-2022 vợ chồng về bên gia đình anh P sống, đến tháng 11-2022 thì chị về nhà cha mẹ ruột sống cho đến nay. Vợ chồng sống đến tháng 11 năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh P có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, nên chị bỏ về nhà mẹ ruột sống, vợ chồng sống ly thân từ tháng 11 năm 2022. Nay anh P xin ly hôn thì chị đồng ý ly hôn.

- Về con chung: có 02 cháu là Nguyễn Ngọc Tường V, sinh ngày 12-11-2014 và Nguyễn Xuân P2 sinh ngày 22-3-2021, hiện hai con chung đang sống với chị, chị yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng 02 con, không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: không có, không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: không có, không yêu cầu giải quyết.

Ngoài ra không yêu cầu gì khác.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án:

Về tố tụng: việc tuân theo pháp luật tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự. Anh P có đơn xin vắng mặt có lý; chị T vắng mặt lần thứ hai không lý do, nên đề nghị xử vắng mặt đương sự là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: căn cứ vào các Điều 56, 81, 82 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/ UBTVQH ngày 30-12-2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét: chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Nguyễn Bá P đối với chị Trần Thị Thu T; về con chung: giao 02 cháu Nguyễn Ngọc Tường V, sinh ngày 12-11-2014 và Nguyễn Xuân P2 sinh ngày 22-3-2021 cho chị T được quyền tiếp tục nuôi dưỡng. Ghi nhận anh P tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng/cháu cho đến khi các cháu trưởng thành và có khả năng lao động; về tài sản chung và về nợ chung: không đặt ra giải quyết. Đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*: chị T đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt; anh P có đơn xin vắng mặt có lý do nên đưa vụ án ra xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về hôn nhân*: anh P và chị T tự nguyện tổ chức lễ cưới vào năm 2014, có tìm hiểu, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Sau thời gian chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và không còn quan hệ tình cảm với nhau từ tháng 11 năm 2022.

Xét thấy, do anh chị sống không phù hợp, bất đồng quan điểm, không tin tưởng nhau về tình cảm. Anh P cho rằng do vợ chồng sống không phù hợp, bất đồng quan điểm, vợ không lo làm ăn, mà thường xuyên cờ bạc, làm nợ nần, không lo lắng chăm sóc cho gia đình, anh khuyên nhưng vợ không nghe, vợ còn ghen tuông vô cớ với anh nên hay cãi vã nhau, cuộc sống không hạnh phúc nên anh bỏ đi về cha mẹ ruột ở tại T, Vĩnh Long, vợ chồng sống ly thân từ tháng 7 năm 2022, nên anh xin ly hôn với chị T. Theo chị T thì vợ chồng sống đến tháng 11 năm 2022 do anh P có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, nên chị bỏ về nhà mẹ ruột sống, vợ chồng sống ly thân luôn, nay anh P xin ly hôn thì chị đồng ý ly hôn. Toà án mời anh chị đến công khai chứng cứ và hoà giải nhưng chị T không đến. Chứng tỏ mâu thuẫn của anh chị đã trở nên trầm trọng, mục đích hôn nhân không còn đạt được, anh chị đã sống ly thân từ tháng 11 năm 2022, nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh P đối với chị T là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] *Về con chung*: anh chị khai có 02 cháu Nguyễn Ngọc Tường V, sinh ngày 12-11-2014 và Nguyễn Xuân P2 sinh ngày 22-3-2021 hiện chị T đang nuôi. Chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng. Anh P đồng ý giao hai con cho chị T nuôi, anh tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu 1.000.000 đồng/tháng (02 cháu 2.000.000 đồng/tháng) cho đến khi các cháu trưởng thành. Xét thấy, 02 cháu đang sống với chị T, cháu V đã trên 07 tuổi, qua xem xét cháu có nguyện vọng muốn sống với mẹ, nghỉ nên giao 02 cháu V, P2 cho chị T được quyền tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ghi nhận anh P tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu 1.000.000 đồng/tháng (02 cháu 2.000.000 đồng/tháng) cho đến khi các cháu đã thành niên và có khả năng lao động là sự tự nguyện phù hợp với nguyện vọng của cháu V và phù hợp với quy định tại Điều 81, 82 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] *Về tài sản chung*: anh P, chị T không yêu cầu, nên không giải quyết.

[5] *Về nợ chung*: anh P, chị T khai không có, không yêu cầu giải quyết.

[6] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng tại phiên toà là có căn cứ chấp nhận.

[7] *Về án phí*: anh P chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con, theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 5, 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 147, 273, 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 56, 81 và 82 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 5, 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. *Về hôn nhân*: chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Nguyễn Bá P đối với chị Trần Thị Thu T. Anh P được ly hôn với chị T.

2. *Về con chung*: giao 02 cháu Nguyễn Ngọc Tường V, sinh ngày 12-11-2014 và Nguyễn Xuân P2 sinh ngày 22-3-2021 cho chị Trần Thị Thu T được quyền tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ghi nhận anh P tự nguyện cấp dưỡng nuôi mỗi con 1.000.000 (*Một triệu*) đồng/tháng (02 con 2.000.000 (*Hai triệu*) đồng/tháng). Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi các cháu V, P2 đã thành niên và có khả năng tự lao động sinh sống được.

Anh P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. *Về tài sản chung*: anh P, chị T không yêu cầu, nên không giải quyết.

4. *Về nợ chung*: anh P, chị T khai không có, nên không giải quyết.

5. *Về án phí*: anh Nguyễn Bá P chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con. Được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí anh P đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0027139 ngày 04-4-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Trảng Bàng. Anh P còn phải nộp 300.000 tiền án phí.

Các đương sự có quyền kháng cáo lên Toà án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

"*Trường hợp Bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự*"./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND thị xã Trảng Bàng;
- Chi cục THADS thị xã Trảng Bàng;
- UBND P. Gia Huỳnh, TX Trảng Bàng;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- Các đương sự;
- Lưu.

(đã ký)

Nguyễn Thị An